

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 – ĐỀ 5**MÔN: TIẾNG ANH 5 FAMILY AND FRIENDS****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****LỜI GIẢI CHI TIẾT****Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com****I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the rest.**

1.

A. sits /sɪts/

B. stops /stɒps/

C. says /seɪz/

Đáp án C có đuôi -s được phát âm là /z/ trong khi những đáp án còn lại nó được phát âm là /s/.

Đáp án: C

2.

A. cookies /'kʊki:z/

B. boxes /'bɒksɪz/

C. sandwiches /'sænwɪtʃɪz/

Đáp án A có đuôi -s được phát âm là /z/ trong khi những đáp án còn lại nó được phát âm là /ɪz/.

Đáp án: A

3.

A. balloons /bə'lu:nz/

B. stops /stɒps/

C. lies /laɪz/

Đáp án B có đuôi -s được phát âm là /s/ trong khi những đáp án còn lại nó được phát âm là /z/.

Đáp án: B

II. Odd one out.

1.

A. mushroom (n): nấm

B. cucumber (n): dưa chuột

C. food (n): thức ăn

Giải thích: "Mushroom" và "cucumber" là thực phẩm cụ thể, trong khi "food" là một khái niệm chung, không phải là một loại thực phẩm cụ thể.

Đáp án: C

2.

A. bus (n): xe buýt

B. start (v): bắt đầu

C. want (v): muốn

Giải thích: "Bus" là một phương tiện giao thông, còn "start" và "want" là động từ.

Đáp án: A

3.

A. movie theater (n): rạp chiếu phim

B. get dressed (v): mặc đồ

C. shopping mall (n): trung tâm mua sắm

Giải thích: "Movie theater" và "shopping mall" các địa điểm, trong khi "get dressed" là một hành động, không phải một địa điểm.

Đáp án: B

4.

A. inside (adv): bên trong

B. plane (n): máy bay

C. taxi (n): taxi

Giải thích: "Inside" là một giới từ, còn "plane" và "taxi" là các phương tiện giao thông.

Đáp án: A

5.

A. weather (n): thời tiết

B. humid (adj): ẩm ướt

C. foggy (adj): có sương mù

Giải thích: "Weather" là một danh từ chỉ chung, còn "humid" và "foggy" là những tính từ chỉ thời tiết.

Đáp án: A

III. Choose the correct answers.

1.

Giải thích:

Ta dùng: at + giờ giấc cụ thể.

I usually get up **at** 6 o'clock.

(Tôi thường thức dậy vào lúc 6 giờ.)

Đáp án: A

2.

Giải thích:

Trong thì hiện tại đơn, với chủ ngữ số nhiều "They" thì động từ không cần chia.

They **catch** the bus to school at 7 o'clock.

(Họ bắt xe buýt đến trường vào lúc 7 giờ.)

Đáp án: A

3.

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định ở thì hiện tại đơn với động từ thường:

Chủ ngữ số ít + doesn't + động từ nguyên mẫu + tân ngữ.

Kai **doesn't get up** at 6.30.

(Kai không thức dậy lúc 6 rưỡi.)

Đáp án: C

4.

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với "There + to be" ở thì quá khứ đơn:

There + weren't + any + danh từ đếm được số nhiều.

There weren't **any** cars or trolleys in our town 100 years ago.

(Không có chiếc xe hơi tay tàu điện nào ở thị trấn của chúng tôi 100 năm về trước.)

Đáp án: C

5.

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định ở thì quá khứ đơn:

Chủ ngữ + didn't + động từ nguyên mẫu + tân ngữ.

I didn't **go** to school yesterday.

(Hôm qua tôi đã không đến trường.)

Đáp án: B

IV. Read and choose True or False.

Yesterday, it was the first day of the summer vacation. It was a sunny day, and many people were outside. They were enjoying the sun. Vinh went to the town on his bicycle. He met his friends in the town and they went to the shopping mall. It was very busy in the town. There were a lot of motorcycles on the roads. The trolleys and buses were full of people going to the market. Vinh's dad is a police officer. He was in the town all day. He helped people to cross the street and he stopped the cars, buses, and taxis. He was very happy to go home in the evening for dinner!

Tạm dịch:

Hôm qua là ngày đầu tiên của kỳ nghỉ hè. Trời nắng đẹp, và nhiều người ra ngoài. Họ đang tận hưởng ánh nắng. Vinh đi vào thị trấn bằng chiếc xe đạp của cậu ấy. Cậu gặp bạn ở đó và họ cùng nhau đi đến trung tâm mua sắm. Thị trấn rất đông đúc. Trên đường có rất nhiều xe máy. Xe đẩy và xe buýt chật kín người đang đi đến chợ. Bố của Vinh là cảnh sát. Ông đã ở thị trấn cả ngày. Ông giúp mọi người qua đường và dừng xe hơi, xe buýt, cũng như taxi. Buổi tối, ông rất vui khi được về nhà ăn tối!

1.

Giải thích:

It was sunny yesterday.

(Hôm qua trời nắng.)

Thông tin: Yesterday, it was the first day of the summer vacation. It was a sunny day, and many people were outside.

(Hôm qua là ngày đầu tiên của kỳ nghỉ hè. Trời nắng đẹp, và nhiều người ra ngoài.)

Đáp án: True

2.

Giải thích:

Vinh went to the town by his brother's bicycle.

(Vinh đã đến thị trấn bằng xe đạp của em trai anh ấy.)

Thông tin: Vinh went to the town on his bicycle.

(Vinh đi vào thị trấn bằng chiếc xe đạp của cậu ấy.)

Đáp án: False

3.

Giải thích:

Vinh and his friends went to a shopping mall.

(Vinh và bạn bè đã đến trung tâm mua sắm.)

Thông tin: He met his friends in the town and they went to the shopping mall.

(Cậu gặp bạn ở đó và họ cùng nhau đi đến trung tâm mua sắm.)

Đáp án: True

4.

Giải thích:

There were some motorcycles on the roads.

(Có một vài chiếc xe máy trên đường.)

Thông tin: There were a lot of motorcycles on the roads.

(Trên đường có rất nhiều xe máy.)

Đáp án: False

5.

Giải thích:

Vinh's dad was at the police station all day.

(Bố của Vinh đã ở đồn cảnh sát cả ngày.)

Thông tin: He was in the town all day.

(Ông đã ở thị trấn cả ngày.)

Đáp án: False

V. Reorder the words to make the correct sentences.

1. plays/ soccer/ her friends/ Linh/ often/ with

Giải thích:

Cấu trúc câu khẳng định với động từ thường ở thì hiện tại đơn:

Chủ ngữ số ít + trạng từ tần suất + động từ được chia + tân ngữ.

Đáp án: Linh often plays soccer with her friends.

(Linh thường chơi bóng đá cùng bạn bè của cô ấy.)

2. were/ in/ They/ vacation/ the U.S.A./ on/ summer/ last

Giải thích:

Cấu trúc câu khẳng định với động từ to be ở thì quá khứ đơn:

Chủ ngữ số nhiều + were + tân ngữ + trạng từ thời gian.

Đáp án: They were on vacation in the U.S.A last summer.

(Họ đã có một kì nghỉ ở Mỹ vào mùa hè trước.)

3. have/ last summer./ We/ a/ on/ didn't/ picnic/ the beach

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định ở thì quá khứ đơn với động từ thường:

Chủ ngữ + didn't + động từ nguyên mẫu + tân ngữ + trạng từ thời gian.

Đáp án: We didn't have a picnic on the beach last summer.

(Hè năm ngoái chúng tôi đã không đi dã ngoại.)

4. doesn't/ to/ on/ She/ Mondays/ go/ the library

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường ở thì hiện tại đơn:

Chủ ngữ số ít + doesn't + động từ nguyên mẫu + tân ngữ.

Đáp án: She doesn't go to the library on Mondays.

(Cô ấy không đến thư viện vào thứ Hai hàng tuần.)

5. cook/ Did/ food?/ your/ good/ mother

Giải thích:

Cấu trúc câu hỏi Yes/No ở thì quá khứ đơn với động từ thường:

Did + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

Đáp án: Did your mother cook good food?

(Mẹ của bạn nấu ăn có ngon không?)